

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DS-ST
Ngày: 10/11/2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Niềm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giang.
2. Ông Nguyễn Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXX-ST ngày 11 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-DS, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Người đại diện theo pháp luật bà Trần Tuấn A, chức vụ Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Hoàng G, chức vụ Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng T Phòng giao dịch L, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

Địa chỉ: khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Phúc T, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực 4, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng

như tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng), người đại diện theo ủy quyền ông Trần Hoàng G trình bày:

Vào ngày 13/9/2019 anh Lê Phúc T có đề xuất vay vốn tại Ngân hàng T - Phòng giao dịch thị xã Long Mỹ theo hợp đồng tín dụng Visa số 133/19/TC/0901-04450, hạn mức thẻ Visa/JCB là 30.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất 22%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay. Thời hạn trả cuối cùng là ngày 13/9/2022, vay không có tài sản bảo đảm. Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ thì anh Lê Phúc T chỉ thanh toán vốn và tiền lãi cho Ngân hàng được 04 kỳ với số tiền 6.300.000 đồng. Do anh T vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng nhiều lần thông báo, nhắc nhở và anh T cũng đã cam kết nhưng vẫn không thực hiện đúng cam kết.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm anh Lê Phúc T còn nợ ngân hàng số tiền là 36.818.579 đồng (Trong đó tiền gốc là 25.263.179 đồng, lãi phát sinh là 8.370.994 đồng, phạt chậm trả là 3.029.335 đồng và phí vượt hạn mức 155.071 đồng).

Tại phiên tòa, ông Trần Hoàng G là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Phúc T trả số tiền còn nợ Ngân hàng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 36.818.579 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất theo hợp đồng đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Phúc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai đối với bị đơn Lê Phúc T được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Phúc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Lê Phúc T.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Lê Phúc T trả số tiền vốn vay là 25.263.179 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nguyên đơn đã cung cấp theo hợp đồng tín dụng Visa số 133/19/TC/0901-04450 thể hiện anh Lê Phúc T vay số tiền 30.000.000 đồng của Ngân hàng T, Phòng giao dịch thị xã L. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì thời hạn trả tiền vay theo định kỳ là hàng tháng, nhưng anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như thỏa thuận trong hợp đồng. Xét thấy, việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ T hợp có thỏa thuận khác”*. Vì vậy, Ngân hàng T khởi kiện là có căn cứ, nên cần buộc anh Lê Phúc T phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay còn lại 25.263.179 đồng.

[4] Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nói trên thì lãi suất tại thời điểm cho vay là 22%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay. Theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất ... theo quy định pháp luật”*. Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *“T hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; T hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ T hợp có thỏa thuận khác”*. Sau khi vay thì bị đơn anh Lê Phúc T đã trả lãi đến ngày 06/3/2020, nhưng sau đó anh T không tiếp tục trả. Do đó, Ngân hàng T yêu cầu bị đơn trả lãi, lãi quá hạn trên số tiền đã vay tính đến ngày xét xử bao gồm: lãi phát sinh là 8.370.994 đồng, phạt chậm trả là 3.029.335 đồng và phí vượt hạn mức 155.071 đồng là có căn cứ.

[5] Như vậy, số tiền cần buộc anh Lê Phúc T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là: 36.818.579 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Lê Phúc T phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T có người đại diện ủy quyền ông Trần Hoàng G đối với bị đơn Lê Phúc T.

[2] Buộc bị đơn Lê Phúc T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng T số tiền còn nợ là 36.818.579 đồng (Ba mươi sáu triệu, tám trăm mười tám nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng). Trong đó tiền vốn vay là 25.263.179 đồng (Hai mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn một trăm bảy mươi chín đồng), lãi phát sinh là 8.370.994 đồng (Tám triệu, ba trăm bảy chục nghìn chín trăm chín mươi bốn đồng), phạt chậm trả là 3.029.335 đồng (Ba triệu, không trăm hai mươi chín nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng) và phí vượt hạn mức 155.071 đồng (Một trăm năm mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn Lê Phúc T còn phải chịu lãi suất trên số tiền chưa trả cho Ngân hàng T theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng T.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Lê Phúc T phải nộp án phí là 1.840.929 đồng (Một triệu tám trăm bốn chục nghìn chín trăm hai mươi chín đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng T có người đại diện ủy quyền ông Trần Hoàng G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005247 ngày 17/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Lê Phúc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi đương sự cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Lưu.

Trần Ngọc Niềm